

Số: 490 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển
đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2014/NĐ-CP; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chi phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và chi phí các công việc thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 543/TTr-SGTVT ngày 02/02/2021 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định tại văn bản số 544/SGTVT-TĐKHKT ngày 02/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

3. Nhà thầu lập dự án đầu tư xây dựng công trình: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Thanh Hoa - Công ty TNHH tư vấn xây dựng giao thông Bắc Thanh - Tổng Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Thanh Hóa.

Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Lê Văn Quang.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư tuyến đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển và đoạn từ đường bộ ven biển đến cảng Lạch Sung để hoàn thiện tuyến đường từ Quốc lộ 1, qua Khu công nghiệp Bim Sơn đến Quốc lộ 10, đường bộ ven biển và cảng Lạch Sung, đáp ứng mục tiêu kết nối các trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội của thị xã Bim Sơn, huyện Hà Trung và huyện Nga Sơn, từng bước hoàn thiện hạ tầng mạng lưới giao thông khu vực, phục vụ nhu cầu vận chuyển, đi lại của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

5. Nội dung và quy mô đầu tư: Tổng chiều dài 18,8km (trong đó đoạn Km15+139,47 - Km17+505,02 dài 2.365m trùng với dự án Đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa nên không đầu tư trong dự án này); Chiều dài thực tế của dự án là 16.442m, cụ thể:

- Quy mô:

+ Đoạn Km0 - Km1+00 (dài 1,0km) đi trùng với quy hoạch của thị xã Bim Sơn được phê duyệt tại Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 16/5/2019: Đầu tư theo quy hoạch chung thị xã Bim Sơn với chiều rộng nền đường $B_n=17,5m$, chiều rộng mặt đường $B_m=11,0m$ (đạt tiêu chuẩn đường phố gom theo TCXDVN 104:2007).

+ Đoạn Km1+00 - Km15+139,47 (dài 14.139m) và đoạn Km17+505,02 - Km18+807,16 (dài 1.302m) đầu tư đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (theo TCVN 4054:2005) với vận tốc thiết kế $V_{tk}=80km/h$; chiều rộng nền đường $B_n=12m$, chiều rộng mặt đường $B_m=11m$.

- Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa có $E_{yc} \geq 140 \text{Mpa}$; công trình cầu có bề rộng xe chạy $B_m = 12 \text{m}$, tải trọng thiết kế HL93, tần suất thủy văn tính toán $P = 1\%$ (đối với cầu trung, cầu lớn), $P = 4\%$ (đối với cầu nhỏ và nền đường); tải trọng tính toán kết cấu áo đường xe trục đơn 10T; tải trọng thiết kế cống H30 - XB80.

- Thực hiện cắm mốc lộ giới với quy mô đường cấp II đồng bằng.

6. Giải pháp thiết kế

6.1. Bình đồ hướng tuyến: Điểm đầu Km0 giao với đường Khu công nghiệp Bim Sơn, thuộc địa phận phường Đông Sơn; điểm cuối Km18+807,16 giao với đê sông Lạch Sung thuộc địa phận xã Nga Thủy. Tổng chiều dài tuyến 18.807m. Bán kính nhỏ nhất $R_{\min} = 500 \text{m}$.

6.2. Cắt dọc: Cao độ thiết kế trên cơ sở tần suất tính toán nền đường, các vị trí cầu vượt sông, kênh, các đường hiện hữu (ĐT.527B, Quốc lộ 10, ĐT.524), cao độ đường ven biển đoạn Nga Sơn - Hoàng Hóa đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư và các quy hoạch có liên quan. Độ dốc dọc lớn nhất $i_{\max} = 1,5\%$.

6.3. Mặt cắt ngang: Dốc ngang mặt đường hai mái 2%, lề đất 4%, siêu cao lớn nhất 3%.

- Đoạn từ Km0+00 - Km1+00: $B_n = 17,5 \text{m}$; $B_m = 11,0 \text{m}$ (gồm: mặt đường xe chạy $2 \times 3,5 \text{m} = 7,0 \text{m}$; lề gia cố $2 \times 1,7 \text{m} = 3,4 \text{m}$; đan rãnh $2 \times 0,3 \text{m} = 0,6 \text{m}$); hè đường $2 \times 3,25 \text{m} = 6,5 \text{m}$, dốc ngang $i = 1,5\%$ về phía mặt đường.

- Đoạn từ Km1+00 - Km15+139,47 và Km17+505,02 - Km18+807,16: $B_n = 12 \text{m}$; $B_m = 11 \text{m}$ (gồm: mặt đường xe chạy $2 \times 3,5 \text{m} = 7,0 \text{m}$; lề gia cố $2 \times 2 \text{m} = 4,0 \text{m}$); lề đất $2 \times 0,5 \text{m} = 1,0 \text{m}$.

6.4. Nền đường: Toàn tuyến là nền đắp, bằng đất đồi đạt $K \geq 0,95$, lớp sát đáy áo đường đạt $K \geq 0,98$ dày 30cm. MáI taluy đắp 1/1,5, gia cố máI bằng trồng cỏ; một số đoạn đắp qua khu vực đọng nước thường xuyên gia cố bằng BTXM.

- Nền đường đắp thông thường: Trước khi đắp đào bỏ lớp đất không thích hợp, chiều dày phụ thuộc vào địa chất từng vị trí.

- Nền đắp qua đất yếu: Xử lý nền đất yếu bằng đào thay đất; đào thay đất một phần và gia cố bằng giếng cát, bậc thấm kết hợp vải địa kỹ thuật tùy theo địa chất từng khu vực và chiều cao nền đắp cụ thể.

6.5. Kết cấu áo đường: Kết cấu áo đường có môđun đàn hồi $E_{yc} \geq 140 \text{Mpa}$; tổng chiều dày kết cấu 73cm, gồm các lớp kết cấu từ trên xuống như sau: Bê tông nhựa chặt (BTN C19) lớp trên dày 6cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5 \text{kg/m}^2$; BTN C19 lớp dưới dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0 \text{kg/m}^2$; móng lớp trên bằng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; móng lớp dưới bằng cấp phối đá dăm loại II dày 45cm.

6.6. Thoát nước mặt đường: Cơ bản bằng chảy tỏa và đào rãnh dọc đối với đoạn ngoài khu dân cư; đối với đoạn tuyến đi trùng với đường quy hoạch của thị

xã Bím Sơn (từ Km0 - Km1+00) bố trí rãnh dọc kín nằm dưới hè đường; đối với các nhánh trong nút giao khu vực đi qua khu dân cư (Quốc lộ 10, ĐT.527B, ĐT.524....) và các vị trí đường ngang bố trí rãnh dọc kín chịu lực bằng BTCT sát mép mặt đường.

6.7. Công thoát nước ngang: Xây dựng hoàn chỉnh công thoát nước ngang; sử dụng các loại công hộp, công tròn. Kết cấu công bằng BTXM và BTCT, móng đặt trên nền thiên nhiên hoặc nền đã được xử lý.

6.8. Công trình cầu: Xây dựng mới 04 cầu, trong đó: 02 cầu lớn (cầu Tam Điệp và cầu Tuần Giang qua sông Hoạt); 01 cầu trung (cầu Yên Hải qua kênh Hưng Long); 01 cầu nhỏ qua kênh nội đồng xã Nga Thanh. Các cầu qua sông và kênh không thông thuyền, không có cây trôi.

Cầu bằng BTCT, BTCT DUL thiết kế theo TCVN 11823: 2017; chiều rộng toàn cầu $B_c=13m$, phần xe chạy $B_m=12m$.

a) Cầu Tam Điệp: Bắc qua sông Tam Điệp; chiều dài cầu 213,27m.

- Kết cấu phần trên: Gồm 6 nhịp dầm BTCT DUL 40Mpa tiết diện chữ I; chiều dài nhịp 33m; mặt cắt ngang gồm 6 phiến dầm; liên kết các dầm chủ bằng dầm ngang; bản mặt cầu liên tục nhiệt bằng; chống thấm bằng dung dịch dạng phun; mặt cầu bằng BTN C19; khe co giãn bằng thép; thoát nước bằng ống nhựa và ống gang; lan can làm bằng thép mạ kẽm, gờ chân lan can bằng BTCT; gờ cầu cao su bản thép.

- Kết cấu phần dưới: Hai mô có cấu tạo giống nhau, dạng mô nặng kiểu chữ U, bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi; 05 trụ cầu dạng thân đặc bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi.

- Đường đầu cầu: Sau đuôi mô 10m đường đầu cầu được vượt nổi từ $B_n=13m$ về $B_n=12m$, $B_m=11m$ trên đoạn dài 15m; kết cấu áo đường như trên tuyến; gia cố tứ nón và mái taluy bằng tấm BTCT đúc sẵn, chân khay bằng BTXM.

b) Cầu Tuần Giang: Bắc qua sông Hoạt; chiều dài cầu 212,35m.

- Kết cấu phần trên: Chi tiết như cầu Tam Điệp.

- Kết cấu phần dưới: Chi tiết như cầu Tam Điệp.

- Đường hai đầu cầu: Chi tiết như cầu Tam Điệp, gia cố móng chân khay bằng cọc tre.

c) Cầu Yên Hải: Bắc qua kênh Hưng Long; chiều dài cầu 44,15m.

- Kết cấu phần trên: Gồm 2 nhịp dầm bản bằng BTCT DUL 40Mpa, chiều dài nhịp 18m; mặt cắt ngang gồm 13 phiến dầm; liên kết các dầm bằng bản lớp mặt cầu BTCT; chống thấm bằng dung dịch dạng phun; mặt cầu bằng BTN C19; khe co giãn bằng thép; thoát nước bằng ống nhựa và ống gang; lan can làm bằng thép mạ kẽm, gờ chân lan can bằng BTCT; gờ cầu cao su bản thép.

- Kết cấu phần dưới: Hai mô có cấu tạo giống nhau, dạng chữ U kiểu tường bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi; bản chuyển tiếp bằng BTCT. Trụ cầu

dạng trụ đặc thân hẹp bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi.

- Đường hai đầu cầu: Chi tiết như cầu Tam Điệp, gia cố móng chân khay bằng cọc tre.

d) Cầu Km13+252,15: Bắc qua kênh nội đồng; chiều dài cầu 29,10m.

- Kết cấu phần trên: Gồm 1 nhịp dầm bản bằng BTCT DUL 40Mpa, chiều dài nhịp 21m; mặt cắt ngang gồm 13 phiến dầm; liên kết các dầm bằng bản mặt cầu BTCT; chống thấm bằng dung dịch dạng phun; mặt cầu bằng BTN C19; khe co giãn bằng thép; thoát nước bằng ống nhựa và ống gang; lan can làm bằng thép mạ kẽm, gờ chân lan can bằng BTCT; gờ cầu cao su bản thép.

- Kết cấu phần dưới: Hai móng cầu tạo giống nhau dạng chữ U, kiểu tường bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi; bản chuyên tiếp bằng BTCT.

- Đường hai đầu cầu: Chi tiết như cầu Yên Hải.

6.9. Nút giao: Các nút giao được thiết kế dạng giao bằng; tổ chức giao thông bằng vạch sơn, biển báo, gờ giảm tốc, đảo, kết hợp đèn cảnh báo.

6.10. Đường ngang: Vuốt nổi đảm bảo êm thuận và ATGT; kết cấu mặt đường bằng BTN, láng nhựa hoặc BTXM tùy thuộc vào mặt đường ngang hiện tại.

6.11. An toàn giao thông: Bố trí đầy đủ cọc tiêu, cọc H, cọc km, biển báo hiệu đường bộ, vạch kẻ đường, hộ lan tôn sóng, đỉnh phản quang, tiêu phản quang... tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT.

6.12. Chiếu sáng:

- Điện chiếu sáng: Bố trí hệ thống điện chiếu sáng dọc hai bên tuyến từ Km0 - Km1+00 và nút giao với Quốc lộ 10.

- Chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời: Bố trí tại phạm vi 8 nút giao còn lại.

6.13. Bó vỉa, đan rãnh, hệ đường đoạn Km0 - Km1+00: Bố trí rãnh dọc hai bên dưới hè đường, kết cấu bằng BTCT không chịu lực. Bó vỉa bằng BTXM lắp ghép. Hè lát bằng gạch Tezzaro và có bố trí hồ chõ trồng cây xanh.

6.14. Hoàn trả đường phục vụ thi công: Gồm các đường tỉnh, đường huyện, đường xã; tổng chiều dài khoảng 20km.

7. Địa điểm xây dựng: Trên địa phận thị xã Bim Sơn và các huyện Hà Trung, Nga Sơn.

8. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 43,96ha.

9. Nhóm, loại, cấp công trình: Nhóm B, công trình giao thông, cấp II.

10. Phương án giải phóng mặt bằng

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Công tác GPMB: Giao cho UBND các huyện: Hà Trung, Nga Sơn và thị xã Bim Sơn làm Chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn quản lý để tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành.

11. Tổng mức đầu tư: 900.000.000.000 đồng (Chín trăm tỷ đồng chẵn); trong đó:

- Chi phí đền bù GPMB	230.000.000.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	533.519.144.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	6.334.327.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	25.572.065.000	đồng;
- Chi phí khác	28.617.138.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	75.957.326.000	đồng.

(có phụ lục Tổng mức đầu tư kèm theo).

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh (vốn đầu tư trong cân đối, nguồn thu từ tiền sử dụng đất,...) đầu tư phần xây lắp, chi khác và chi phí GPMB trên địa bàn huyện Hà Trung; riêng chi phí bồi thường GPMB trên địa bàn thị xã Bim Sơn, huyện Nga Sơn do ngân sách địa phương đảm nhận.

13. Thời gian thực hiện: Không quá 04 năm (2021 - 2024).

14. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 2 Thanh Hóa nhận ủy thác quản lý dự án.

15. Thiết kế: 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng. Trong quá trình thực hiện tiếp thu các ý kiến tham gia của các sở, ngành, địa phương và Báo cáo thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại văn bản số 544/SGTVT-TĐKHKT ngày 02/02/2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Hà Trung, Nga Sơn và thị xã Bim Sơn; Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, CN(H'5.001, 5.003).



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**Dự án: Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bửu Sơn đến đường bộ ven biển đoạn
Nga Sơn - Hoàng Hóa**

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng.

TT	Nội dung chi phí	Phương pháp xác định	Giá trị
I	Chi phí bồi thường GPMB	khái toán chi tiết	230.000.000.000
II	Chi phí xây dựng		533.519.144.000
III	Chi phí quản lý dự án	1,306% x Gxd	6.334.327.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		25.572.065.000
1	Khảo sát, lập Báo cáo NCKT; thiết kế cắm cọc GPMB, mốc lộ giới	Quyết định số 1193/QĐ-SGTVT của Sở GTVT	5.794.272.000
2	Lập nhiệm vụ, GSKS bước lập BCNCKT	Quyết định số 824/QĐ-SGTVT	170.223.000
3	Khảo sát bước lập thiết kế BVTC	khái toán kèm theo	7.024.943.000
4	Lập nhiệm vụ, GSKS bước thiết kế BVTC	tạm tính: Gtv3 x (3,354%+3%)	405.786.000
5	Lập thiết kế BVTC	tạm tính: Gxd x 1,014%	4.918.076.000
6	Cắm cọc GPMB và MLG	khái toán kèm theo	863.127.000
7	Thẩm tra thiết kế BVTC	Gxd x 0,056%	271.610.000
8	Thẩm tra dự toán	Gxd x 0,053%	257.059.000
9	Giám sát thi công xây dựng	Gxd x 1,016%	4.927.777.000
10	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014	100.000.000
11	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn	Gtv x 0,2%	49.596.000
12	Thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014	100.000.000
13	Thẩm định HSMT và KQ LCNT các gói thầu TV	Gtv x 0,1%	49.596.000
14	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	tạm tính	190.000.000
15	Thẩm tra an toàn giao thông	tạm tính	150.000.000
16	Giám sát môi trường khi thi công	tạm tính	300.000.000
V	Chi phí khác		28.617.138.000
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	TMĐT x 0,165%*50%	742.500.000
2	Chi phí kiểm toán	TMĐT x 0,237%	2.133.000.000
3	Bảo hiểm công trình	Gxd x 0,25%	1.212.544.000
4	Thẩm định BCNCKT	TMĐT x 0,005%	45.000.000
5	Thẩm định thiết kế BVTC	Gxd x 0,01%	48.502.000
6	Thẩm định dự toán	Gxd x 0,0094%	45.592.000
7	Rà phá bom mìn, vật nổ	40.000.000 x 43,5ha	1.740.000.000
8	Kiểm tra của CQQLNN trong quá trình thực hiện	tạm tính	100.000.000
9	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu	tạm tính	50.000.000
10	Hoàn trả đường công vụ	tạm tính	22.500.000.000
VI	Chi phí dự phòng		75.957.326.000
1	Chi phí dự phòng phát sinh khối lượng	(I+II+III+IV+V) x 6%	49.587.960.000
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	(I+II+III+IV+V) x 3,2%	26.369.366.000
	Tổng mức đầu tư		900.000.000.000